TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2024/HS-PT
Ngày: 18-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**

ông **Nguyễn Văn Tiến**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 257/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thanh L, Phan Thành P, Nguyễn Thị Thúy K về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên Nguyễn Thị Thúy K**,** sinh ngày 16/10/2003 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: B N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn H (đã chết) và bà Trần Thị H1; Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 15/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 21/01/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và T8 (tên gọi khác: T), sinh ngày 12/11/1994 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKHKTT: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú: 1 L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; con ông: Phạm Thanh Q và bà Lê Thị T1; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 15/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 21/01/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Thành P**,** sinh ngày 21/7/1993 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKHKTT: Khu phố H, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú: 1 L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; con ông: Phan Đình H2 và bà Trần Thị T2; có vợ: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 15/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 21/01/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 50 phút ngày 14 tháng 01 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T bắt quả tang tại quán K1 (14/24 Lê Thánh T3, thành phố H) có 03 phòng đang sử dụng trái phép chất ma túy, gồm:

- Tại phòng 102 có 04 đối tượng là La Mỹ H4, Nguyễn Thị Thúy K, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Chính T4 đang sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật dụng dùng vào việc sử dụng ma túy và ma túy còn lại chưa sử dụng hết.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 14/01/2023, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Chính T4 đến quán Karaoke và được nhân viên bố trí Phòng 102. Sau khi vào phòng cả hai thống nhất góp mỗi người 900.000 đồng và đưa tiền cho nhân viên quán là Phạm Thanh L để mua ma túy. L gọi mua của một đối tượng tên "Vẹo" 02 viên ma túy dạng kẹo, và 01 chấm dạng khay. N và T4 trả cho L 300.000 đồng tiền công mua ma túy. Sau đó L gọi 02 nhân viên nữ là La Mỹ H4 và Nguyễn Thị Thúy K vào phục vụ. Sau đó một nhân viên khác của quán là Phan Thành P mang kẹo cao su và dầu Phật linh đến cửa phòng đưa cho K đồng thời chỉ chỗ cho K lấy đĩa sứ, thẻ nhựa để xào ma túy. Khi L mang ma túy đến, H4 là người ra nhận rồi đổ ma túy dạng khay ra đĩa, dùng bật lửa hơ nóng và dùng thẻ nhựa để xào, K làm ống hút và lấy thẻ chia ra từng luống để cả 04 người cùng sử dụng, còn 02 viên ma túy dạng kẹo

thì các bị cáo tự bẻ ra chia nhau sử dụng. Khi các bị cáo đang sử dụng thì bị bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể các đối tượng K, T4 dương tính với các chất ma túy Methaphetamin, MDMA, Ketamine; N và H4 dương tính với M, MDMA.

- Tại Phòng 207 có 04 đối tượng Nguyễn Văn H5, Nguyễn Văn T5, Võ Tá Quốc T6, Nguyễn Thị Thảo V đang sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra thu giữ các vật dụng dùng vào việc sử dụng ma túy và ma túy còn lại chưa sử dụng hết.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 22 giờ ngày 14/01/2023, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Văn T5, Võ Tá Quốc T6 và Nguyễn Thị Thảo V sau khi ăn uống tại 01 quán nhậu ở đường T thì rủ nhau đến quán K1 để sử dụng ma túy. Cả 04 bị cáo thống nhất góp mỗi người 500.000 đồng để mua ma túy. T6 và H5 chưa có tiền nên T5 bỏ tiền ra trước để mua. V là bạn T5 nên T5 góp phần của V. T5 đưa cho T6 2.050.000 đồng để mua ma túy. T6 liên lạc với 01 đối tượng tên T7 mua 03 viên ma túy loại thuốc lắc và 01 chấm ma túy loại khay với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy T6 đưa cho T5 mang vào phòng 207 quán Karaoke, nhân viên quán mang thẻ nhựa, dầu Phật linh và kẹo cao su vào phòng, V đi lấy đĩa sứ, T5 đổ ma túy khay ra đĩa, V dùng thẻ nhựa xào ma túy, sau đó bốn đối tượng thay nhau kẻ ma túy cùng sử dụng, đối với 03 viên các đối tượng hòa vào nước C để cùng uống. Khi các đối tượng đang sử dụng thì bị bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể các đối tượng H5, T5, T6 và V dương tính với các chất ma túy Methaphetamin, MDMA, Ketamine.

- Tại Phòng 104 có 04 đối tượng là Trương Trọng S, Phạm Thị Bích M1, Nguyễn C1 và Lê Thị L1 đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật dụng dùng vào việc sử dụng ma túy.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ 50 ngày 14/01/2023, Trương Trọng S, Phạm Thị Bích M1, Nguyễn C1 và Lê Thị L1 cùng nhau đến quán K1 để sử dụng trái phép chất ma túy. Khi đến quán, Phạm Thanh L dẫn vào phòng 104 và đem thẻ nhựa, đĩa sứ, dầu Phật linh, kẹo cao su đồng thời mở loa, đèn, chọn nhạc mạnh để phục vụ việc sử dụng ma túy. L1 liên hệ với đối tượng tên "Vẹo" mua 02 viên ma túy loại thuốc lắc và 01 gói ma túy loại Ketamine với giá 2.800.000 đồng. Khoảng 21 giờ có một thanh niên tên H6 đến phòng giao ma túy, C1 trả tiền mặt cho H6. C1 và L1 hơ nóng đĩa sứ và xào ma túy Ketamine rồi dùng thẻ nhựa tán nhỏ, C1, L1, S, M1 dùng thẻ nhựa chia ma túy cùng nhau sử dụng. Đối với 02 viên ma túy loại thuốc lắc thì các bị cáo chia 4 rồi bỏ vào nước sử dụng. Khi sử dụng hết ma túy và đang nghe nhạc thì bị phát hiện bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể các đối tượng C1, S, L1 và M1 dương tính với các chất ma túy Methaphetamin, MDMA, Ketamine.

Quá trình điều tra xác định: Phạm Thanh S1 (quản lý quán) và nhân viên là Phan Thành P, Phạm Thanh L đều khai nhận: Chủ quán là Lê Thị Mỹ D đã thuê S1 quản lý chung, 04 nhân viên phục vụ gồm Phạm Thanh L, Phan Thành P, Lê Văn Xuân H7 và Lê Văn H8. Quán có 16 phòng, trong đó có 10 phòng thiết kế đặc biệt (thiết kế hiện đại để bay lắc, sử dụng ma túy) có giá thuê 300.000/giờ, còn các phòng khác 150.000 đồng đến 200.000 đồng/giờ. Khi khách có nhu cầu sử dụng ma túy thì nhân viên thay phiên nhau theo điều hành của S1 dẫn vào phòng đặc biệt và cung cấp các dụng cụ như đĩa sứ, thẻ, kẹo cao su, dầu nhị... Nếu khách có nhu cầu thuê nữ phục vụ và cùng sử dụng thì nhân viên gọi điện thoại để các cô gái đến phục vụ khách.

Thời điểm bị bắt quả tang Lê Văn Xuân H7 và Lê Văn H8 không làm việc ở quán nên không biết vụ việc, nhưng những nội dung liên quan đến hoạt động trước đó của quán thì H7 và H8 khai như Phạm Thanh S1, Phan Thành P, Phạm Thanh L về việc D cho phép việc để khách sử dụng ma túy tại các phòng đặc biệt.

Quá trình điều tra Lê Thị Mỹ D khai hoạt động của quá karaoke Quỳnh H9, D giao cho Phạm Thanh S1 quản lý và điều hành, D không biết Phạm Thanh S1, Phạm Thanh L, Phan Thanh P1 cho khách thuê phòng để sử dụng ma túy.

* Vật chứng, đồ vật, tài liệu đang tạm giữ gồm:

- Tạm giữ của quán K1: 01 cuốn sổ ghi chép, 01 hóa đơn thanh toán, 01 đầu ghi camera;

- Tạm giữ tại phòng 102: 01 đĩa sứ màu trắng, 0,1231g ma túy, 01 ống hút được quấn bằng giấy polime, 01 gói ni lông, 01 thẻ nhựa hình chữ nhật có chữ "V1" và "PHAN HONG DUC";

- Tạm giữ tại phòng 104: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 gói ni lông, 01 ống hút và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật;

- Tạm giữ tại phòng 207: 01 đĩa sứ màu trắng, 0,1475 gam ma túy, 01 ống hút bằng giấy polime, 01 bật lửa màu đỏ, 01 thẻ ATM ngân hàng A;

- Tạm giữ của bị cáo Lê Thị Mỹ D:

+ Một giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 31A8016195;

+ Một quyết định tạm đình chỉ hoạt động số 50784/ QĐTĐC-CATP ngày 18/9/2022 của C2;

- Một cuốn sổ màu đỏ ghi chép việc thu chi và trả lương cho nhân viên.

- Tạm giữ của bị cáo Phạm Thanh S1: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imeil: 350472593817296, bên trong có thẻ sim số điện thoại 0765844555 và một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imeil: 359127076434131, bên trong có gắn thẻ sim số 0325220292.

- Tạm giữ của bị cáo Phan Thành P: Một điện thoại di động hiệu Iphone mặt sau màu xanh, số I: 351330881321208, bên trong có gắn thẻ sim số 0944864009.

- Tạm giữ của bị cáo Phạm Thanh L: Một điện thoại di động hiệu Iphone, màn hình bị rạn nứt, số I: 355767078617847, bên trong có gắn thẻ sim số +84388877568; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Imei: 352415908793635 bên trong có gắn thẻ sim số 0763691262.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thúy K: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imeil: 354867095704064, bên trong không có gắn thẻ sim.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thanh N: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359173736067762, bên trong có gắn thẻ sim số 0901122729; Một căn cước công dân số 046093004272 mang tên Nguyễn Thanh N.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Chính T4: Một điện thoại di động hiệu Redmi, Imei 1: 869703059134741, bên trong có gắn 02 thẻ sim số 0935690222. Một chứng minh nhân dân số 191479409 mang tên Nguyễn Chính T4.

- Tạm giữ của bị cáo Trương Trọng S: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356564083482989, bên trong có gắn thẻ sim số 0708670095.

- Tạm giữ của bị cáo Phạm Thị Bích M1: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355737073057208, bên trong có gắn thẻ sim số 0898248997.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn C1: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359158078724534, bên trong có gắn thẻ sim số 0335574484.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Thị L1: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353894108212662, bên trong có gắn thẻ sim số 0906887681.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn H5: Một điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số I: 353336079562212.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T5: Một điện thoại di động hiệu S2, số Imei 1: 354650132912720, Imei 2: 355740242912725.

- Tạm giữ của bị cáo Võ Tá Quốc T6: Một điện thoại di động hiệu S2, màn hình bị vỡ, số Imei 1: 359929075802147, số Imei 2: 359930075802145.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thảo V: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei 1: 354860892138081, số Imei 2: 354860892107326.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Văn Xuân H7: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356769085160455, bên trong có gắn thẻ sim số điện thoại 0789479724.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Văn H8: Một điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356570083626749, bên trong có gắn thẻ sim số điện thoại 0372094794.

Tại Kết luận giám định số 28/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Tinh thể rắn màu trắng thu giữ ở phòng 102 của quán K1 có khối lượng là 0,1231 gam, là ma túy, loại Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 29/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Tinh thể rắn màu trắng thu giữ ở phòng 207 của quán K1 có khối lượng 0,1475 gam, là ma túy, loại Ketamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh L phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; bị cáo Lê Thị Mỹ D, Phạm Thanh S1, Phạm Thanh L, Phan Thành P, Nguyễn Thị Thúy K, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Chính T4, Trương Trọng S, Nguyễn C1, Lê Thị L1, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Văn T5, Võ Tá Quốc T6, Nguyễn Thị Thảo V, La Mỹ H4, Phạm Thị Bích M1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 2 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 7 năm 6 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội bị cáo Phạm Thanh L phải chấp hành là 9 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Mỹ D.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ D 8 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thanh S1, Phan Thành P, Nguyễn Thị Thúy K, Trương Trọng S, Nguyễn C1, Lê Thị L1, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Văn T5, Võ Tá Quốc T6, Phạm Thị Bích M1.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh S1 8 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Thành P 7 năm 3 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy K 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Trương Trọng S 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C1 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L1 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H5 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Võ Tá Quốc T6 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích M1 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo La Mỹ H4, Nguyễn Thị Thảo V, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Chính T4. Bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Chính T4 áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo La Mỹ H4 áp dụng thêm điểm n, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Thảo V áp dụng thêm điểm q, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thanh N áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chính T4 5 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 5 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo La Mỹ H4 4 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thảo V 4 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị Thúy K*:* bị cáo chỉ là người làm thuê, hưởng lương, không có hưởng lợi gì về việc tổ chức sử dụng ma tuý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Phạm Thanh L*:* bị cáo thực tế chỉ mua giùm ma tuý cho một người; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ý kiến của bị cáo Phan Thành P*:* bị cáo đã khai báo thành khẩn, đúng thực tế, giúp cho cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án; kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: bị cáo kháng cáo còn trong thời hạn luật định; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về nội dung: tội danh của các bị cáo đã rõ; đối với bị cáo Phạm Thanh L, tuy bị cáo không thừa nhận nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo L có hành vi mua bán ma tuý cho 02 người như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ; đối với bị cáo Phan Thành P, Toà án cấp sơ thẩm trong phần quyết định áp dụng thiếu điểm t Điều 51 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy K hành vi tham gia giản đơn, chỉ là nhân viên phục vụ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo củabị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo K một phần hình phạt; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, tăng hình phạt đối với bị cáo L và áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị cáo kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Phan Thành P và Nguyễn Thị Thúy K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đối với bị cáo Phạm Thanh L, mặc dù L không thừa nhận nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có hành vi mua bán ma tuý cho 02 người như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: vào lúc 23 giờ 50 phút ngày 14 tháng 01 năm 2023 tại 1 L, thành phố H, Lê Thị Mỹ D, Phạm Thanh S1, Phạm Thanh L, Phan Thành P, đã sử dụng quán Karaoke của D, bố trí 03 phòng và dụng cụ cho 12 đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thu tiền phòng, bán hàng hóa, dụng cụ sử dụng ma túy; L bán ma túy cho Nguyễn Chính T4 và Nguyễn Thanh N. Tại phòng 102 của quán K1, Nguyễn Chính T4, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Thúy K, La Thị Mỹ H10 cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phòng 207, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Văn T5, Võ Tá Quốc T6, Nguyễn Thị Thảo V cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phòng 104, Trương Trọng S, Nguyễn C1, Lê Thị L1, Phạm Thị Bích M1 cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo L đã có hành vi

mua bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo N, T4 nên L phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là trái pháp luật, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, làm gia tăng các tệ nạn xã hội nên phải xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã xem xét về nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Phạm Thanh L, Phan Thành P, Nguyễn Thị Thúy K, được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; về tình tiết tăng nặng: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào. Do đó, về nhóm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* đã xử phạt L 07 năm 06 tháng tù, bị cáo P 07 năm 03 tháng tù, bị cáo K 07 năm tù, là có căn cứ; đối với tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* xử phạt bị cáo L 02 năm tù là không phù hợp với hành vi của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thúy K và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận thấy: đối với bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, vì vậy không có cơ sở xem xét.

[6] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về trường hợp bị cáo Phạm Thanh L, như phân tích tại Mục [2] chính bị cáo L là người nhận khách và bố trí phòng cho bị cáo T4 và N, cả 02 bị cáo đều có nhu cầu mua ma tuý để sử dụng; tuy khi giao dịch đưa và nhận tiền mua ma tuý chỉ có một mình T4 đứng ra đại diện nhưng bị cáo L biết là mua ma tuý cho 02 bị cáo T4 và N. Do đó, hành vi của bị cáo L phải bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự như kháng nghị đã nêu là có căn cứ.

[7] Trường hợp của bị cáo Phan Thành P, trong phần nhận định Toà án cấp sơ thẩm có phân tích bị cáo P đã hợp tác với cơ quan điều tra, khai ra hành vi phạm tội của Lê Thị Mỹ D nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng tại phần quyết định của bản án lại không áp dụng cho P là có thiếu sót. Tuy nhiên, qua xem xét mặc dù bị cáo P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ như đã nêu nhưng với mức án 07

năm 03 tháng tù là phù hợp, không nặng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên mức hình phạt.

[8] Từ những phân tích như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thúy K; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Thúy K phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thúy K, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 7 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* .

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 7 năm 6 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội bị cáo Phạm Thanh L phải chấp hành là 14 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phan Thành P (Riêng bị cáo P thêm điểm t khoản 1 Điều 51), bị cáo Nguyễn Thị Thúy K:

Xử phạt bị cáo Phan Thành P 7 năm 3 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý",* thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy K 7 năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ 15/01/2023.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông